

**CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI  
THÁNG 09 NĂM 2025**

**I/ NGUỒN NGÂN SÁCH**

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TỶ
		TỶ ĐK	DỰ TOÁN CẤP	DỰ TOÁN ĐÃ RÚT	
1	Ngân sách nguồn 13	5.117.839.345		1.161.205.063	3.956.634.282
2	Ngân sách nguồn 14 (9523)	1.652.590.031			1.652.590.031
3	Ngân sách nguồn 14 (9527)	6.904.179.073			6.904.179.073
4	Ngân sách nguồn 12 (9527)	116.407.122			116.407.122
4	Ngân sách nguồn 18 (9527)	766.199.000			766.199.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.557.214.571</b>	<b>-</b>	<b>1.161.205.063</b>	<b>13.396.009.508</b>

**II/ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ**

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TỶ
		TỶ ĐK	THU	CHI	
1	Cần tin	365.078.000	23.000.000		388.078.000
2	Bãi xe	47.104.806			47.104.806
3	Lãi ngân hàng	6.051.806	491.150		6.542.956
4	Anh văn giao tiếp	-			
5	Học phí	417.530.361		93.012.830	324.517.531
6	Tổ chức PVBT	439.040		439.040	-
7	Tổ chức 2 buổi	41.000		41.000	-
8	Tin học chuẩn quốc tế	2.205.000		2.205.000	-
9	Kỹ năng sống	1.117.200		1.117.200	-
10	Trang bị bán trú	504.281			504.281
11	Câu lạc bộ	606.500		606.500	-
12	Tiền ăn	1.201.022			1.201.022
13	Số liên lạc điện tử (eNetviet)	16.108		16.108	-
14	Phần mềm K12	250.671		250.671	-
15	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	290.970.374			290.970.374
16	Học phẩm	261.889			261.889
17	Nước uống	52.912			52.912
18	Khám sức khỏe	22.540			22.540
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.133.453.510</b>	<b>23.491.150</b>	<b>97.688.349</b>	<b>1.059.256.311</b>

**III/ CHI TIẾT CÁC QUỸ:**

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TỶ
		TỶ ĐK	THU	CHI	
1	Tiền mặt	1.110.253	2.861.129		3.971.382
2	Tiền gửi KB TK 3716	1.018.172.329		93.012.830	925.159.499
3	Tiền gửi NH NN TK 389	1.559.708.470	256.400	22.000	1.559.942.870
4	Tiền gửi NH NN TK 724	76.456.619	46.013.800	23.735.604	98.734.815
5	Tiền gửi NH Sài Gòn thương tín	1.076.204.059	923.283.098	978.360.098	1.021.127.059
6	Tiền gửi KB TK 3713	-			-
7	Quỹ khen thưởng	183.144.754			183.144.754

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			
		TỜNDK	THU	CHI	TÓN
8	Quỹ Phúc lợi	461.886.517		1.842.600	460.043.917
9	Quỹ bổ sung thu nhập	2.797.991			2.797.991
10	Quỹ phát triển SN	1.456.298.665		2.006.600	1.454.292.065
11	Nguồn CCTL	719.728.108			719.728.108
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.555.507.765</b>	<b>972.414.427</b>	<b>1.098.979.732</b>	<b>6.428.942.460</b>

Kế toán

*Trần Thị Thu Hà*

Trần Thị Thu Hà

